**Phụ lục**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA LĨNH VỰC**

**VĂN HÓA VÀ THỂ THAO THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**

**CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

*(Kèm theo Quyết định số: 2580 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018*

*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Địa điểm thực hiện** | **Phí, lệ phí**  ***(đồng)*** | **Tên VBQPPL**  **quy định TTHC** |
| **I.** | **Lĩnh vực văn hóa cơ sở (10 thủ tục)** | | | | |
| **1.** | Cấp giấy phép kinh doanh karaoke (thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện cấp) | 07 ngày  làm việc | Trung tâm Hành chính công cấp huyện | - Tại thành phố Huế, TX Hương Trà, TX Hương Thủy:  **+** Từ 01 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy;  **+** Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy;  Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 2.000.000 đồng/phòng.  Tại các khu vực khác:  + Từ 01 đến 05: mức thu lệ phí là 3.000.000 đồng/giấy;  **+** Từ 06 phòng trở lên: 6.000.000 đồng/giấy.  Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 1.000.000 đồng/phòng. | - Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009;  - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012;  - Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính. |
| **2.** | Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” | 10 ngày  làm việc | Không | Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/9/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |
| Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2018. |
| **3.** | Xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm | - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức họp Hội đồng thi đua - khen thưởng theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng.  - Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả Hội đồng thi đua - khen thưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa. | Không |
| **4.** | Xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa | 05 ngày  làm việc | Không |
| **5.** | Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” | 05 ngày  làm việc | Không | Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| **6.** | Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” | 05 ngày  làm việc | Không |
| **7.** | Công nhận lần đầu “phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” | 05 ngày  làm việc | Không | - Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24/01/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| **8.** | Công nhận lại “phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” | 05 ngày  làm việc | Không |
| **9.** | Đăng ký tổ chức lễ hội | 20 ngày  làm việc | Không | - Nghị định 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ. |
| **10.** | Thông báo tổ chức lễ hội | 15 ngày  làm việc | Không |
| **II.** | **Lĩnh vực Thư viện (01 TTHC)** | | | | |
| **11.** | Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản | 03 ngày  làm việc | Trung tâm Hành chính công cấp huyện | Không | - Nghị định số 72/2002/NĐ-CP ngày 6/8/2002 của Chính phủ;  - Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 6/01/2009 của Chính phủ;  - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/1/2012 của Chính phủ. |
| **III.** | **Lĩnh vực gia đình (06 thủ tục)** | | | | |
| **12.** | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND huyện) | 30 ngày  làm việc | Trung tâm Hành chính công cấp huyện | Không | - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009  - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch  - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| **13.** | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) | 15 ngày  làm việc | Không |
| **14.** | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) | 20 ngày  làm việc | Không |
| **15.** | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) | 30 ngày  làm việc | Không |
| **16.** | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) | 15 ngày  làm việc | Không |
| **17.** | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) | 20 ngày  làm việc | Không |